TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày 03-01-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Xuân Hiếu

Bà Nguyễn Thị Phin

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh B; địa chỉ cư trú: Đường HL, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thúy H; địa chỉ cư trú: Đường HL, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05-10-2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thúy H chung sống với nhau từ cuối năm 1986 khi đang lao động hợp tác tại Cộng hòa Dân chủ Đức (không có đăng ký

kết hôn), do thời gian đó Nhà nước không khuyến khích công nhân lao động hợp tác kết hôn với nhau ở nước ngoài. Quá trình chung sống, thời gian đầu, giữa ông B và bà H không có mâu thuẫn gì lớn. Đến năm 1988, ông B và bà H về nước do hết hợp đồng lao động. Khi về Việt Nam, ông B và bà H không đi đăng ký kết hôn. Thời gian này, giữa hai vợ chồng ông B và bà H thường xảy ra những bất đồng trong cách làm ăn kinh tế của bà H. Việc chăm lo gia đình, nuôi dạy con cái cũng từ đó mà chểnh mảng, không còn chu đáo như trước. Đến năm 2008, do làm ăn thua lỗ nhiều, không có khả năng chi trả, bà H đã bỏ nhà đi mà không nói gì với ông B. Từ đó đến nay, bà H ở đâu, làm gì, ông B không được biết. Từ khi bỏ nhà đi, bà H không hề liên lạc hay báo tin gì về cho ông B, không hỏi thăm con cái. Ông B có liên hệ với gia đình bà H thì được biết, thỉnh thoảng bà H có gọi điện về gia đình nhưng không nói rõ đang ở đâu nên gia đình bà H cũng không biết hoặc có thể gia đình bà H biết nhưng không muốn cho ông B biết địa chỉ hiện tại của bà H. Nhiều năm nay, ông B đã đi tìm kiếm bà H nhiều nơi, hỏi han nhiều người nhưng đều không có kết quả. Ông B cho rằng bà H đã cố ý giấu địa chỉ và không muốn cho ông B biết hiện nay bà H đang ở đâu.

Qua thực tế nêu trên, bà H không còn quan tâm đến chồng, con và không muốn đoàn tụ cùng gia đình. Bản thân ông B nhiều năm qua cũng không còn tình cảm với bà H. Do vậy, ông B làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xem xét, giải quyết cho ông B được ly hôn với bà H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 con là Nguyễn Đức V, sinh năm 1987. Hiện nay, anh Việt đã có gia đình riêng, có việc làm ổn định, tự lo liệu được cuộc sống của gia đình mình nên không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thanh B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thúy H vắng mặt tại địa phương. Tòa án đã thực hiện các quy trình tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà H không có mặt nên không lấy được lời khai của bà H. Tại Bản xác nhận của Uỷ ban nhân dân phường HL, quận HB, Biên bản làm việc tại nơi cư trú, Đơn trình bày của bà Nguyễn Thị M (là chị gái bà H) và anh Nguyễn Đức V (là con trai bà H) cho thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà H có phát sinh mâu thuẫn, bà H không có mặt tại địa phương từ năm 2008 đến nay.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thúy H sinh sống với nhau từ năm 1986 tại Cộng hòa Dân chủ Đức không có đăng ký kết hôn. Sau khi về nước, ông B và bà H không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội, Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03-01-2001 của Bộ Tư pháp - Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23-12-2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông B, bà H bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng phát sinh mẫu thuẫn, bà H bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2008 đến nay không liên lạc với ông B, không chăm lo gia đình, không chăm sóc, giáo dục con cái cùng ông B, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho ông Nguyễn Thanh B được ly hôn bà Nguyễn Thúy H.

Về con chung: Ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thúy H có 01 con chung là anh Nguyễn Đức V. Hiện nay, anh V đã đến tuổi trưởng thành, có việc làm ổn định và có gia đình riêng nên không xem xét việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thanh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội: Ông Nguyễn Thanh B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo Đơn khởi kiện và xác nhận nơi cư trú thể hiện ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thúy H đều cư trú tại: Đường HL, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ các điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi

kiện xin ly hôn giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh B với bị đơn là bà Nguyễn Thúy H thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thúy H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thúy H.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh B chung sống với bà Nguyễn Thúy H vào năm 1986 tại Cộng hòa dân chủ Đức, không có đăng ký kết hôn. Năm 1988, ông B và bà H về nước và sinh sống tại địa chỉ: Đường HL, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng nhưng cũng không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội, Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03-01-2001 của Bộ Tư pháp - Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23-12-2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà H là hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Ông B cho rằng quá trình chung sống, giữa ông và bà H có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cách làm ăn kinh tế. Bà H bỏ đi khỏi nhà từ năm 2008 đến nay không hề liên lạc hay báo tin gì về cho ông B, không hề hỏi thăm con cái. Ông B có liên hệ với gia đình bà H thì được biết, thỉnh thoảng bà H có gọi điện về gia đình nhưng cũng không nói rõ đang ở đâu nên gia đình bà H cũng không biết hoặc có thể gia đình bà H biết nhưng không muốn cho ông B biết địa chỉ hiện tại của bà H. Nhiều năm nay, ông B đã đi tìm kiếm bà Hồng nhiều nơi, hỏi han nhiều người nhưng đều không có kết quả. Qua thực tế nêu trên, bà H không còn quan tâm đến chồng, con và không muốn đoàn tụ cùng gia đình. Mặt khác, ông B cũng không còn tình cảm với bà H. Do vậy, ông B làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xem xét, giải quyết cho ông B được ly hôn với bà H theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa ông B và bà H không đạt được mục đích hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc. Việc ông B yêu cầu ly hôn với bà H là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của ông B: Cho ông Nguyễn Thanh B ly hôn bà Nguyễn Thúy H.

[5] Về con chung: Ông B và bà H có 01 con chung là Nguyễn Đức V, sinh năm 1987. Hiện nay, anh V đã có gia đình riêng, có việc làm ổn định, tự lo liệu được cuộc sống của gia đình nên không phải cấp dưỡng.

[6] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thanh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Thanh B phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03-01-2001 của Bộ Tư pháp - Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10; Nghị quyết số: 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23-12-2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Thanh B ly hôn bà Nguyễn Thúy H.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh B phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000…, ngày 12-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Ông B đã đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường HL;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Chung